

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM ĐẢO  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Đô và ông Lê Mạnh Quỳnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; ĐKKHKT: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

*Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Đỗ Văn H1 đăng ký kết hôn ngày 29/9/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T. Trước khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H1 chơi bời không tu chí làm ăn và không quan tâm đến gia đình, chị và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh H1 không thay đổi, tháng 3/2021 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Đ, xã T, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn và không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh H1 có 03 con chung là Đỗ Duy M, sinh ngày 01/11/2015; Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 20/8/2016 và Đỗ Thị

Ngọc Á, sinh ngày 20/8/2016, hiện đang ở cùng anh H1. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi cháu Ngọc A và cháu Ngọc Á, anh H1 nuôi cháu Duy M, chị và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Đỗ Văn H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị H trình bày về quá trình chung sống, thời điểm ly thân. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị H có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến gia đình, anh và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng chị H không thay đổi. Tuy nhiên, do vẫn còn tình cảm và thương con nên anh không đồng ý ly hôn chị H.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh thừa nhận như chị H trình bày, ly hôn anh đề nghị giao 03 con chung cho anh hoặc chị nuôi, ai không trực tiếp nuôi con thì phải cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Đỗ Văn H1; Giao cho chị H nuôi cháu Ngọc A và cháu Ngọc Á, anh H1 nuôi cháu Duy M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Chị H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn H1; anh H1 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 đều xác định vợ chồng chung sống đến tháng 6/2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không ai quan tâm đến gia đình, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thay đổi, từ tháng 3/2021 vợ chồng sống ly thân, anh H1 xác định tình cảm vẫn còn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, chị H kiên quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị H và anh H1 đã

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh H1 là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị H, anh H1 có 03 con chung, hiện đang ở cùng anh H1. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Ngọc A và cháu Ngọc Á, anh H1 tiếp tục nuôi cháu Duy M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; anh H1 đề nghị giao 03 con cho một bên nuôi, bên không nuôi con phải cấp dưỡng.

Xét thấy: Chị H và anh H1 có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về việc nuôi con, anh chị đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Để đảm bảo quyền lợi của các bên cũng như việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu cần giao cho chị H nuôi cháu Ngọc A và cháu Ngọc Á, anh H1 nuôi cháu Duy M là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

**1.** Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn H1.

**2.** Giao cho anh Đỗ Văn H1 tiếp tục nuôi cháu Đỗ Duy M, sinh ngày 01/11/2015; chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 20/8/2016 và cháu Đỗ Thị Ngọc Á, sinh ngày 20/8/2016. Chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

**3.** Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: AA/2017/0008423, ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND TT. H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu**

